TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 184/2025/HC-PT
Ngày: 26-02-2024
"*V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

***- Thư ký phiên toà*:** ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 1121/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc *"khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".* Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 166/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* ông Trương Hồng P, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ H, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Dương Minh P1; địa chỉ: B đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: ông Nguyễn Hữu T1 - Phó giám đốc Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện B (có mặt).

- *Người có quyền nghĩ vụ liên quan:* bà Lê Thị C; địa chỉ: ấp V, xã V, G, Kiên Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Trương Hồng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 21/8/2023 (nộp trực tiếp tại Tòa án vào ngày 11/9/2023), đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 12/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án anh* Trương Hồng P *trình bày:*

Ông P là chủ sử dụng thửa đất số 651, diện tích 330m^2 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, phần đất này là tài sản riêng của anh được thừa kế từ cha anh, trên đất có một căn nhà được anh xây dựng năm 2011 cũng là tài sản riêng của anh. Nguồn gốc số tiền cất nhà do anh hốt hụi vào năm 2011 được hơn 14 triệu đồng và tiền anh bán bắp cải có được nên dành dụm cất căn nhà trị giá 25.000.000 đồng, căn nhà cũng là tài sản riêng của anh không phải tài sản của chung vợ chồng.

Năm 2013 anh và bà C ly hôn. Ngày 18/01/2018, anh xuất cảnh đi Đài Loan đến ngày 18/5/2022 mới về lại Việt Nam. Trong thời gian đó, vào năm 2019, thực hiện dự án đê bao dọc Sông H, tỉnh Vĩnh Long, một phần thửa đất số 651 và tài sản trên đất bị ảnh hưởng phải di dời nên được bồi thường, hỗ trợ. Trong đó, phần đất được bồi thường 5.701.300 đồng, phần nhà và vật kiến trúc được bồi thường 54.640.204 đồng; UBND huyện B đã chi trả toàn bộ số tiền này cho bà C, đến khi về nước anh mới phát hiện. Việc UBND huyện B chi trả toàn bộ tiền bồi thường hỗ trợ cho bà C là không đúng đối tượng nên ông P gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B yêu cầu xem xét chi trả toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và vật kiến trúc trên đất cho anh. Ngày 31/7/2023 Chủ tịch UBND huyện B ra quyết định số 1445/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần đầu) chỉ chấp nhận chi trả cho anh tiền bồi thường đất 5.701.300 đồng, đối với tiền bồi thường nhà và vật kiến trúc 54.640.204 đồng thì không chấp nhận chi trả cho anh.

Do đó, ông P khởi kiện:

1. Yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết số 1445/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông P (lần đầu) tại đoạn 2 Điều 1 của quyết định ghi *"Không chấp nhận yêu cầu của ông* Trương Hồng P *về việc được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ giá trị về nhà ở, vật kiến trúc theo Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của* UBND huyện B *về phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông/bà* Lê Thị C *với số tiền 54.640.204 đồng mà Ban QLDA-ĐTXD huyện đã chi trả cho bà* Lê Thị C*"*.

2. Yêu cầu UBND huyện B thực hiện hành vi chi trả cho ông P số tiền bồi thường giá trị nhà và vật kiến trúc 54.640.204 đồng.

** Tại văn bản trình bày ý kiến số 207/UBND ngày 06/3/2024, Chủ tịch* UBND huyện B *trình bày:*

Ngày 28/4/2020, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện B phối hợp với Ban ngành huyện, Chủ đầu tư, UBND xã T cùng các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án đê bao dọc sông H tiến hành họp dân triển khai dự án. Trong số những hộ bị ảnh hưởng có hộ của chị Lê Thị C, tại thời điểm này, bà C cùng hai người con đang sinh sống tại căn nhà trên thửa đất số 651 bị ảnh hưởng và đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây: tổ H, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Do bà C đứng tên chủ hộ, anh Trương Hồng P không có tên trong hộ khẩu và thời điểm này, ông P đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, không có mặt tại địa phương nên Ban bồi thường chi trả toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ giá trị nhà ở vật kiến trúc trên đất là 54.640.204 đồng cho chủ hộ là bà C nhận theo quy định.

Căn cứ khoản 1, Điều 75, Luật đất đai năm 2013 quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và căn cứ điểm d, khoản 4, Điều 2 Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh V quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thì việc chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ giá trị nhà ở vật kiến trúc trên đất 54.640.204 đồng cho bà C là đúng quy định pháp luật. Do đó, người bị kiện không chấp nhận yêu cầu của ông P, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông P.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/7/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, chị* Lê Thị C *trình bày:*

Sau khi chị và ông P kết hôn năm 1999, cha chồng chị cho vợ chồng chị ra ở riêng trên thửa đất số 651, một thời gian sau vợ chồng cùng nhau dành dụm tiền cất được căn nhà kiên cố. Căn nhà này là tài sản chung của vợ chồng, không phải tài sản riêng của ông P. Năm 2013, chị và ông P ly hôn nhưng tài sản chung chưa chia. Đến năm 2020, Nhà nước làm đê bao căn nhà bị giải tỏa được bồi thường số tiền 54.640.204 đồng; lúc đó ông P đi xuất khẩu lao động không có ở Việt Nam nên Nhà nước chi trả tiền cho bà C nhận, chị đã sử dụng số tiền này để nuôi hai người con ăn học do ly hôn nhưng ông P không cấp dưỡng nuôi con. Bà C xác định căn nhà là tài sản chung vợ chồng, số tiền này đã sử dụng nuôi con chung hết nên không đồng ý trả lại cho ông P. Đối với việc ông P khởi kiện yêu cầu hủy quyết định của Chủ tịch UBND huyện thì chị không có ý kiến.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của anh Trương Hoàng P2 về việc: hủy một phần Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện B giải quyết khiếu nại (lần đầu), tại đoạn 2 Điều 1 của quyết định và yêu cầu UBND huyện B thực hiện hành vi chi trả số tiền bồi thường giá trị nhà và vật kiến trúc 54.640.204 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/8/2024 người khởi kiện ông Trương Hồng P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Trong phần tranh luận:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Dương Minh P1 *giữ nguyên kháng cáo và trình bày:* Tôi thống nhất chủ trương thu hồi đất để làm dự án đê bao dòng sông H, về mức bồi thường tuy thấp nhưng tôi vẫn chấp nhận. Riêng đối với số tiền 59 triệu 400 ngàn đồng tôi đồng ý chia 2 nửa cho bà C. Còn các phần bồi thường khác tôi đề nghị được nhận vì tài sản này được cha mẹ tặng cho riêng tôi. Thời điểm đó tôi là Bí thư chi bộ ấp nên việc tôi ly hôn là UB huyện biết nhưng cho rằng không biết là không có căn cứ. Tên người nhận là Trương Hồng P, nhưng người nhận tiền lại là Lê Thị C, tất cả các văn bản đều không có ý kiến và chữ ký của tôi. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Hữu T1 *trình bày:* giữ nguyên quan điểm tại cấp sơ thẩm của người bị kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long vì các lý do như sau: Về phần đất 80m^2 số tiền hơn 5 triệu 700 ngàn đồng, có quyết định riêng cho ông P. Đối với phần nhà và vật kiến trúc thì xác định bà C là người cư trú ở căn nhà bị bồi thường nên ra một quyết định riêng và giao số tiền bồi thường cho bà C (do ông P đi xuất khẩu lao động, thời điểm đó không có sổ hộ khẩu). Còn số tiền 59 triệu 400 ngàn đồng là tiền hỗ trợ di dời, hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ trợ tái định cư, thì ông P thống nhất không có ý kiến. Đồng thời thời điểm đó vào năm 2020, phía ban bồi thường không biết được ông P và bà C ly hôn năm 2013, và dự án cần đẩy nhanh tiến độ nên tiến hành bồi thường giao cho bà C. Bà C cũng có đối thoại và thống nhất sẽ trả lại cho ông P 50% số tiền bà đã nhận vì cho rằng tài sản này là tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng hành chính, đơn kháng cáo trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông P là có căn cứ, đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Hoàng P2 thực hiện đúng quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người khởi kiện nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, tư cách người tham gia tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ theo quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[3.1] Xét về trình tự, thẩm quyền, thời hạn ban hành quyết định giải quyết khiếu nại: sau khi thụ lý đơn khiếu nại của ông P2, Chủ tịch UBND huyện B phân công cơ quan tham mưu tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại, sau đó tổ chức đối thoại với ông P2 theo đúng quy định tại Điều 29, 30 Luật khiếu nại, đến ngày 31/7/2023 Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1145 là đúng thời hạn, thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, Điều 28 Luật khiếu nại.

[3.2] Xét nội dung: Anh Trương Hồng P và chị Lê Thị Cam kết H năm 1999. Trong quá trình chung sống, vào năm 2011 vợ chồng ông P bà C có xây dựng căn nhà trên thửa đất số 165, tờ bản đồ số 5 ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì tài sản do vợ chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng, trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung. Ông P và bà C ly hôn năm 2013; theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 30/2013/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2013 thì về phần tài sản chung ông P và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết cùng trong vụ án ly hôn. Như vậy, về nguyên tắc căn nhà trên thửa đất số 165 được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên được coi là tài sản chung của vợ chồng. Do là tài sản chung của ông P và bà C nên ông P và bà C được xác định là đối tượng đồng quyền sở hữu đối với số tiền bồi thường giá trị nhà ở, vật kiến trúc trên đất khi Nhà nước thu hồi đất.

[3.3] Theo quy định tại Điều 15 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Điều 13 Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh V quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thì: trong trường hợp tài sản được bồi thường thuộc quyền sở hữu chung thì việc phân chia tiền bồi thường sẽ do những người đồng sở hữu thỏa thuận trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc: người được bồi thường trực tiếp nhận tiền

bồi thường và tổng số tiền bồi thường cho những người đồng sở hữu bằng tổng số tiền bồi thường cho toàn bộ giá trị tài sản được bồi thường. Việc thỏa thuận của các đối tượng đồng quyền sở hữu phải được lập bằng văn bản và có công chứng, chứng thực theo quy định. Trường hợp hết thời hạn chi trả tiền bồi thường mà những người đồng sở hữu không thỏa thuận được việc phân chia tiền bồi thường thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường gửi số tiền đó vào kho bạc và thông báo cho các đồng sở hữu biết.

Như vậy, Ban quản lý dự án giao toàn bộ số tiền này cho bà C khi chưa có văn bản đồng ý hoặc thỏa thuận giữa ông P với bà C là không đúng thủ tục. Do đó, việc bà C cho rằng việc Nhà nước chi trả số tiền bồi thường 54.640.204 đồng cho bà, bà đã nhận và sử dụng số tiền này để nuôi hai người con ăn học và không đồng ý trả lại cho anh P là không có cơ sở, không đảm bảo quyền và lợi ích cho ông P theo quy định. Ngoài ra, tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cũng xác nhận rằng ngoài số tiền bồi thường 54.640.204 đồng thì người khởi kiện còn được hỗ trợ di dời, hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ trợ tái định cư 59.400.000 đồng - số tiền này được ban quản lý dự án giao cho bà C và được ông P đồng ý nhưng ông P trình bày chỉ đồng ý chia đôi số tiền này. Tuy nhiên, trong vụ án này ông P không khởi kiện liên quan đến số tiền hỗ trợ 59.400.000 đồng nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, xét tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng chung của ông P, bà C nhưng khi thực hiện giải tỏa, bồi thường thì Ủy ban nhân dân huyện B lại giao toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà C là không phù hợp với quy định của pháp luật nên kháng cáo của ông Trương Hồng P là có cơ sở để chấp nhận; cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[4] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Trương Hồng P không phải chịu án phí; người bị kiện phải chịu án phí theo quy định.

- Án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên ông Trương Hồng P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Hồng P; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2024/HC-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng

- Điều 18 và mục 2, mục 3 Chương 3 Luật khiếu nại;

- Điều 88, 89 Luật đất đai năm 2013;

- Điều 15 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Tuyên xử:

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trương Hoàng P2:

- Hủy một phần Quyết số 1445/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện B giải quyết khiếu nại (lần đầu), tại đoạn 2 Điều 1 của quyết định có nội dung *"Không chấp nhận yêu cầu của ông* Trương Hồng P *về việc được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ giá trị về nhà ở, vật kiến trúc theo Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của* UBND huyện B *về phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông/bà* Lê Thị C *với số tiền 54.640.204 đồng mà Ban QLDA-ĐTXD huyện đã chi trả cho bà* Lê Thị C*"*.

- Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện nhiệm vụ, công vụ chi trả cho ông P, bà C số tiền bồi thường thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật.

1.2 Án phí hành chính sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Trương Hồng P không phải chịu; hoàn trả cho ông P số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014831 ngày 07/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và Ủy ban nhân dân huyện B mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Trương Hồng P không phải chịu; hoàn trả cho ông P số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015073 ngày 13/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Khương	**Nguyễn Thị Thúy Hòa**	**Lê Văn An**